TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/DS-ST
Ngày: 24-2-2021
V/v Tranh chấp hợp đồng vay

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH,TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1/Ông Phan Hữu Trí
2/Bà Nguyễn Thị Ngọc Thơ

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Anh Đào là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành th*am gia phiên tòa*: Bà Cao Thị Thu Hồng Em – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 2 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 217/2020/TLST- DS ngày 20 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà *Nguyễn Thị X***,** sinh năm: 1973 (có mặt)
Nơi cư trú: Tổ 25, ấp Vĩnh P, xã Vĩnh B, huyện C, An Giang.

-*Bị đơn*: Bà *Trần Thị N*, sinh năm: 1983 (Vắng mặt)
Nơi cư trú: Tổ 25, ấp Vĩnh P, xã Vĩnh B, huyện C, An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 4/11/2020 và lời khai tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị X trình bày:

Vào ngày 13/01/2019 bà có cho bà Trần Thị N mượn số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), không tính lãi. Bà Ncó hứa trong vòng 50 ngày sẽ hoàn trả lại số tiền trên nhưng đến kỳ hẹn bà Nkhông trả mà cứ tìm cách hứa hẹn, lúc này bà N có hứa sẽ đóng lãi số tiền trên cho bà do không thể trả tiền gốc như đã hứa ban đầu. Bà

N đóng lãi cho bà được 01 kỳ là 600.000 đồng, 01 lần 100.000 đồng tổng cộng là 700.000 đồng, sau đó thì không đóng lãi và trả vốn nữa. Nay bà yêu cầu bà Trần Thị N phải có nghĩa vụ trả một lần số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) bà không yêu cầu tính lãi suất.

Đối với bị đơn bà Trần Thị N: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt và niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, các thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng bà N vẫn vắng mặt các buổi phiên họp giao nộp chứng cứ và hòa giải. Ngày 12 tháng 01 năm 2021 Tòa án tiến hành lấy lời khai của bà N thì bà không đồng ý cho Tòa án tiến hành lấy lời khai. Do đó Tòa án lập biên bản không lấy lời khai được.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm cho rằng: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả việc hỏi tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị N là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tống đạt, niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên toà hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bà Trần Thị N vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Thị N theo quy định pháp luật.

[2]Về nội dung tranh chấp:

Mối quan hệ hợp đồng vay tài sản giữa bà Nguyễn Thị X và bà Trần Thị N trên thực tế là có xảy ra trên cơ sở tờ biên nhận mượn tiền ngày 13/01/2019 và biên bản hòa giải ở ấp Vĩnh P ngày 20/8/2020 với lời thừa nhận của bà N thiếu bà X với số tiền 10.000.000 đồng. Trong quá trình vay nợ bà N không đóng lãi và không trả vốn và lãi theo thỏa thuận. Tại phiên tòa hôm nay bà X yêu cầu bà N phải trả một lần số tiền còn thiếu là 10.000.000 đồng. Còn bà Trần Thị N trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi tòa án thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm thì bà N không đến tòa tham gia hòa giải. Xét thấy, trong mối quan hệ vay tài sản bà Trần Thị N là người có lỗi, vì không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình là trả vốn khi đến hạn. Việc vi phạm này đã ít nhiều cũng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của

bà X. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà X, buộc bà N phải có nghĩa vụ trả nợ một lần số tiền 10.000.000 đồng là hoàn toàn phù hợp.

[3]Về án phí dân sự sơ thẩm:

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Bà Nguyễn Thị X được nhận lại 300.000đ(Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007362 ngày 20 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

+Bà Trần Thị N phải chịu 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, 235, 244, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X

2.Buộc bà Trần Thị N phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị X số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

3.Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4.Về án phí dân sự sơ thẩm**:**

+ Bà Nguyễn Thị X được nhận lại 300.000đ(Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007362 ngày 20 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

+ Bà Trần Thị N phải chịu 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5.Về kháng cáo**:** Bà Nguyễn Thị X được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24/2/2021). Bà Trần Thị N được quyền

kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6.Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
-VKSND huyện Châu Thành;
-Chi cục THA.DS huyện;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Mỹ Dung